

GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM AN SINH XÃ HỘI TRONG THỰC HIỆN CÔNG BẰNG XÃ HỘI

NGUYỄN THÚY MAI*

An sinh xã hội là một trong những nền tảng cốt lõi để hiện thực hóa công bằng xã hội. Thời gian qua, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong xây dựng và phát triển hệ thống an sinh xã hội, góp phần giảm nghèo, nâng cao chất lượng cuộc sống và ổn định chính trị - xã hội. Tuy nhiên, trước yêu cầu phát triển mới, hệ thống an sinh xã hội vẫn còn đối mặt với nhiều thách thức. Vì vậy, cần tiếp tục hoàn thiện thể chế pháp luật, đổi mới mô hình thực thi, hiện đại hóa nền tảng quản trị và tăng cường sự tham gia của toàn xã hội để công bằng xã hội có thể được hiện thực hóa một cách sâu rộng và bền vững trong tiến trình phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Từ khóa: Việt Nam; an sinh xã hội; công bằng xã hội; giải pháp; phát triển đất nước.

Social welfare is one of the fundamental pillars for realizing social justice. In recent years, Vietnam has made significant progress in building and developing its social welfare system, which has contributed to poverty reduction, improved living standards, and strengthened socio-political stability. However, in light of new development requirements, the social welfare system still faces multiple challenges in terms of coverage, effectiveness, and sustainability. Therefore, it is necessary to continue improving the legal and institutional framework, innovating implementation models, modernizing governance platforms, and enhancing the participation of the entire society. These efforts aim to ensure that social justice is realized comprehensively and sustainably throughout the country's socialist-oriented development process.

Keywords: Vietnam; social welfare; social justice; solutions; national development.

NGÀY NHẬN: 23/6/2025 NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 28/9/2025 NGÀY DUYỆT: 16/10/2025

DOI: <https://doi.org/10.59394/qlnn.357.2025.1317>

1. Đặt vấn đề

Công bằng xã hội là một mục tiêu cốt lõi, xuyên suốt trong tiến trình xây dựng và phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế sâu rộng, chuyển đổi số mạnh mẽ và nhiều thách thức phi truyền thống, như: biến đổi khí hậu, già hóa dân số,

dịch bệnh... thì yêu cầu bảo đảm công bằng xã hội ngày càng trở nên cấp thiết. An sinh xã hội là một trong những công cụ thiết thực và hiệu quả để cụ thể hóa công bằng xã hội. Tuy nhiên, việc thực hiện an sinh xã hội ở Việt Nam hiện nay còn đối mặt với nhiều khó

* ThS, Trường Đại học Hoa Lư, Ninh Bình

khẩn, bất cập, cần có các giải pháp để tiếp tục hoàn thiện về mặt nhận thức lý luận và đổi mới thực tiễn triển khai.

2. Vai trò của an sinh xã hội đối với công bằng xã hội

Một là, an sinh xã hội giúp bảo đảm các quyền cơ bản của con người được quy định trong *Hiến pháp*, như: quyền được bảo hiểm xã hội, được chăm sóc y tế, được học tập, có việc làm và được bảo vệ khi gặp rủi ro. Việc cung cấp các dịch vụ trợ giúp này là hiện thực hóa công bằng xã hội.

Hai là, giảm thiểu rủi ro và bất bình đẳng. Hệ thống an sinh xã hội (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, trợ giúp xã hội, ...) giúp các thành viên trong xã hội ứng phó với những rủi ro khách quan, như: ốm đau, tai nạn, thất nghiệp, tuổi già, thiên tai, dịch bệnh. Nhờ đó, người dân không bị rơi vào hoàn cảnh khó khăn khi gặp phải những biến cố trong cuộc sống. Bên cạnh đó, chính sách an sinh xã hội, đặc biệt là chương trình xóa đói, giảm nghèo đã trợ giúp xã hội cho các đối tượng dễ bị tổn thương (người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt...) và các vùng khó khăn; đồng thời, có vai trò điều tiết thu nhập, giúp kiểm soát sự phân hóa giàu nghèo, từ đó giảm thiểu sự bất bình đẳng và tăng cường đồng thuận xã hội.

Ba là, tạo cơ hội phát triển. An sinh xã hội tạo điều kiện để người dân nghèo và yếu thế tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản (y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch), giúp họ cải thiện chất lượng cuộc sống, phát huy tiềm năng và tham gia tích cực vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Điều này thể hiện sự cân bằng về cơ hội.

Bốn là, giúp ổn định chính trị - xã hội. Khi đời sống người dân được ổn định, xã hội sẽ ổn định hơn, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. An sinh xã hội tạo ra niềm tin của người dân vào chính sách của Đảng và Nhà nước, góp phần củng cố hệ thống chính trị và tạo động lực cho phát triển bền vững.

Như vậy, an sinh xã hội đóng vai trò then chốt và là công cụ hữu hiệu để hiện thực hóa công bằng xã hội, hướng tới mục tiêu cải thiện chất lượng cuộc sống, giảm thiểu bất bình đẳng và tạo cơ hội phát triển cho mọi cá nhân. An sinh xã hội và công bằng xã hội có mối quan hệ tương hỗ chặt chẽ, được coi là hai trụ cột quan trọng trong phát triển bền vững của mọi quốc gia, giúp bảo đảm sự hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế, an toàn xã hội và hướng đến một xã hội nhân văn, công bằng.

3. Thực trạng bảo đảm an sinh xã hội ở Việt Nam hiện nay

Việt Nam đã có những bước tiến quan trọng trong phát triển hệ thống an sinh xã hội. Hệ thống chính sách liên quan đến an sinh xã hội, như: *Luật Bảo hiểm xã hội*, *Luật Bảo hiểm y tế*, *Luật Việc làm*, *Luật Người cao tuổi*, *Luật Người khuyết tật*, *Luật Ưu đãi người có công với cách mạng*... đã được ban hành và thường xuyên cập nhật, bổ sung để phù hợp với bối cảnh và yêu cầu phát triển mới. Tính đến năm 2023, cả nước có khoảng 18,26 triệu người tham gia bảo hiểm xã hội (chiếm 39,25% lực lượng lao động trong độ tuổi), trong đó có khoảng 1,83 triệu người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện (tương đương 3,92% lực lượng lao động), vượt 1,42 điểm phần trăm so với mục tiêu đề ra trong Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng¹.

Bảo hiểm y tế là chính sách an sinh xã hội quan trọng của Đảng và Nhà nước, là cơ chế tài chính công trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe, vì mục tiêu công bằng, hiệu quả và phát triển trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân. Về diện bao phủ bảo hiểm y tế, năm 2023, cả nước đã có hơn 93,3 triệu người tham gia bảo hiểm y tế, tăng gấp 2,3 lần so với năm 2008, đạt tỷ lệ 93,35% dân số, tiệm cận với mục tiêu bảo hiểm y tế toàn dân². Đây là kết quả của những nỗ lực không ngừng trong việc hoàn thiện chính sách, mở rộng diện bao phủ, đơn giản hóa thủ tục

hành chính và tăng cường tiếp cận dịch vụ y tế công bằng, chất lượng. Việc gần như toàn bộ dân số được bảo vệ trước các rủi ro về sức khỏe là minh chứng rõ rệt cho hiệu quả của chính sách an sinh xã hội trong hiện thực hóa công bằng xã hội.

Hiện nay, cả nước thực hiện trợ cấp xã hội cho hơn 3,8 triệu người với tổng ngân sách khoảng 32.000 tỷ đồng/năm³. Một số tỉnh, thành phố thực hiện mức chuẩn trợ giúp xã hội cao hơn quy định là Tuyên Quang, Hải Phòng, Quảng Ninh, Đà Nẵng. Điều này thể hiện tính linh hoạt và khả năng tài chính của các địa phương trong việc sử dụng ngân sách riêng để nâng cao phúc lợi, bảo đảm mức sống tốt hơn cho người dân trên địa bàn.

Việc mở rộng diện thụ hưởng qua từng năm cùng với tăng mức chuẩn trợ cấp, từ 360.000 đồng lên 500.000 đồng/tháng (năm 2024) cho thấy, chính sách trợ cấp xã hội đang ngày càng phản ánh nhu cầu thực tế, giúp người hưởng chế độ, chính sách có thể trang trải cuộc sống cơ bản, giảm thiểu rủi ro về nghèo đói đột xuất. Ngân sách trợ cấp xã hội tăng từ khoảng 15.000 tỷ đồng năm 2016 lên 32.000 tỷ đồng năm 2024, tương ứng mức chi tăng 113%, thể hiện sự ưu tiên mạnh mẽ của Nhà nước trong củng cố hệ thống an sinh xã hội⁴. Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều đã giảm xuống còn 2,93%, tương ứng với khoảng 815.101 hộ, giảm 1,1 điểm phần trăm so với cuối năm 2022⁵. Đây là kết quả cho thấy sự nỗ lực của Nhà nước trong công tác giảm nghèo toàn diện, không chỉ cải thiện điều kiện sống của người dân mà còn tạo nền tảng vững chắc cho công bằng xã hội. Việc giảm tỷ lệ nghèo đa chiều còn giúp giải phóng nguồn lực lao động và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, góp phần thu hẹp khoảng cách giữa các vùng, nhất là miền núi và đô thị.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, việc thực hiện chính sách an sinh xã hội vẫn còn nhiều hạn chế, như:

(1) Tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc còn thấp, chỉ đạt khoảng 39,05% lực lượng lao động năm 2023⁶. Điều này phản ánh thực trạng phần lớn lao động trong khu vực phi chính thức (chiếm hơn 60% tổng lực lượng lao động) vẫn chưa được tiếp cận và thụ hưởng chính sách bảo hiểm xã hội, gây ra khoảng trống lớn trong hệ thống an sinh xã hội, đặc biệt trong bảo đảm hưu trí và an toàn thu nhập khi hết tuổi lao động.

(2) Mức chi cho an sinh xã hội so với GDP còn hạn chế, chỉ chiếm khoảng 6,7% GDP năm 2022, thấp hơn nhiều so với mức trung bình 20 - 25% ở các quốc gia thuộc OECD⁷. Điều này cho thấy, nguồn lực đầu tư cho an sinh xã hội ở Việt Nam còn khiêm tốn, chưa tương xứng với yêu cầu phát triển và mục tiêu công bằng xã hội.

(3) Khoảng cách chênh lệch giàu nghèo vẫn còn lớn. Chẳng hạn: tại Hà Nội, nhóm người có thu nhập bình quân cao nhất khoảng 13,38 triệu đồng/tháng, trong khi nhóm người có thu nhập bình quân thấp nhất khoảng 2,04 triệu đồng/tháng, mức chênh lệch là 6,5 lần; tại TP. Hồ Chí Minh, nhóm người có thu nhập bình quân cao nhất khoảng 12,85 triệu đồng/tháng, trong khi nhóm người có thu nhập bình quân thấp nhất khoảng 2,88 triệu đồng/tháng, chênh lệch 4,5 lần. Sự chênh lệch thu nhập, giàu nghèo không chỉ xảy ra tại các đô thị lớn mà ngay tại các địa phương vùng khó khăn, miền núi, những tỉnh nghèo⁸.

(4) Biến đổi khí hậu và già hóa dân số cũng tác động mạnh tới an sinh xã hội. Việt Nam được dự báo sẽ bước vào giai đoạn dân số già từ năm 2036⁹, cùng các rủi ro từ thiên tai, dịch bệnh và biến đổi khí hậu, hệ thống an sinh xã hội đang chịu áp lực rất lớn trong việc bảo đảm bền vững tài chính quỹ bảo hiểm, mở rộng dịch vụ chăm sóc dài hạn và bảo vệ nhóm dân cư dễ bị tổn thương trong bối cảnh mới.

4. Một số giải pháp

Thứ nhất, hoàn thiện hệ thống pháp luật, chính sách an sinh xã hội. Căn cứ vào yêu cầu đồng bộ hóa thể chế và tính bao trùm trong tiếp cận an sinh, việc hoàn thiện hệ thống pháp luật là ưu tiên hàng đầu. Nội dung trọng tâm là tiếp tục sửa đổi, bổ sung các luật: *Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Bảo hiểm y tế, Luật Việc làm* theo hướng mở rộng diện bao phủ, tăng tính linh hoạt và lồng ghép hiệu quả với chính sách phát triển vùng khó khăn. Nâng cao chất lượng xây dựng chính sách dựa trên bằng chứng, tăng cường tham vấn chính sách với người dân, địa phương và chuyên gia.

Thứ hai, mở rộng diện bao phủ và nâng cao chất lượng dịch vụ an sinh xã hội. Xuất phát từ thực trạng gần 60% lực lượng lao động phi chính thức chưa tham gia bảo hiểm xã hội, giải pháp then chốt là mở rộng diện bao phủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp. Nội dung chính, gồm: hỗ trợ mức đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện, đơn giản hóa thủ tục hành chính và tăng cường truyền thông chính sách. Song song, cần đầu tư nâng cao chất lượng dịch vụ y tế công, cải thiện năng lực khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế, đặc biệt ở tuyến cơ sở và vùng khó khăn. Triển khai các gói bảo hiểm hấp dẫn, mở rộng hình thức thanh toán bảo hiểm y tế không dùng tiền mặt, giám sát sự hài lòng của người thụ hưởng.

Thứ ba, đổi mới mô hình trợ giúp xã hội theo hướng đa chiều và linh hoạt. Trợ giúp xã hội hiện nay chủ yếu hỗ trợ thu nhập đơn lẻ, trong khi nhu cầu người nghèo và yếu thế mang tính đa chiều (việc làm, y tế, giáo dục...). Do đó, cần đổi mới mô hình theo hướng tích hợp chính sách: hỗ trợ có điều kiện, theo nhu cầu và năng lực của đối tượng. Nội dung giải pháp, bao gồm: phát triển mô hình “hỗ trợ sinh kế bền vững”, kết hợp trợ cấp với đào tạo nghề, vay vốn, tư vấn pháp lý. Cần thử nghiệm tại các địa phương có tỷ lệ nghèo cao, huy động vai trò của tổ chức xã hội và công nghệ số để theo dõi hiệu quả chính sách.

Thứ tư, ứng dụng công nghệ số và tăng cường giám sát, phản biện xã hội. Trong bối cảnh chuyển đổi số quốc gia, ứng dụng công nghệ trong an sinh xã hội là điều kiện tất yếu để minh bạch, hiệu quả và hướng đến người dân. Đồng thời, cần phát huy vai trò giám sát của xã hội, bảo đảm công khai và trách nhiệm giải trình. Nội dung bao gồm xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội tích hợp với dữ liệu dân cư và việc làm, số hóa quy trình chi trả và giải quyết hồ sơ. Hoàn thiện khung pháp lý về dữ liệu, đào tạo cán bộ công nghệ; đồng thời, trao quyền cho Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, báo chí và người dân trong giám sát chính sách an sinh xã hội.

Thứ năm, Việt Nam cần chủ động ứng phó với các thách thức phi truyền thống, như: cần phát triển các mô hình chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi và người khuyết tật; đồng thời, xây dựng cơ chế an sinh xã hội khẩn cấp để bảo vệ sinh kế người dân trước thiên tai, dịch bệnh; tăng cường các chương trình hỗ trợ sinh kế, đào tạo nghề và tư vấn việc làm cho lao động ở nông thôn và khu vực phi chính thức, giúp họ có thu nhập ổn định và bền vững hơn□

Chú thích:

1. 10 kết quả nổi bật của ngành bảo hiểm xã hội Việt Nam năm 2023. <https://baohiemxahoi.gov.vn>, ngày 17/01/2024.
2. Bao phủ bảo hiểm y tế tăng nhanh và bền vững. <https://baochinhphu.vn>, ngày 16/4/2024.
3. Nhiều đối tượng được tăng mức hưởng trợ cấp xã hội. <https://kinhthedoithi.vn>, ngày 04/01/2025.
- 4, 5. Công bố tỷ lệ nghèo đa chiều toàn quốc và theo các vùng năm 2023. <https://xaydungchinhsach.chinhphu.vn>, ngày 21/02/2024.
6. 39,05% lực lượng lao động tham gia bảo hiểm xã hội. <https://laodong.vn>, ngày 14/6/2024.
7. World Bank (2023). *Vietnam Social Protection Review*. World Bank, Washington, D.C.
8. Chênh lệch thu nhập ngày càng lớn, Việt Nam thu hẹp cách nào? <https://tuoitre.vn>, ngày 18/11/2023.
9. Già hóa dân số. <https://vietnam.unfpa.org>, truy cập ngày 18/3/2025.